

Bản án số: 302/2025/HC-PT

Ngày: 24/04/2025

*V/v “Khiếu kiện Quyết định hành chính, hành vi
hành chính trong lĩnh vực thu hồi đất, bồi thường
giải phóng mặt bằng”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tiến;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Bà Hoàng Thị Bích Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Huyền - Thư ký viên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên
tòa:** Ông Bùi Ngọc Tân - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 04 năm 2025, tại Điểm cầu trung tâm - Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Điểm cầu thành phần - Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 704/2024/TLHC-PT ngày 10 tháng 12 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với bản án hành chính sơ thẩm số 126/2024/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Trần Văn L, sinh năm 1971; ĐKKHKT: Thôn D, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; ĐKNKTT: Tổ A, khu A, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Số A, phố V, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng; Có mặt.

- Công ty L3; Địa chỉ: Số B Lô C, phường C, quận B, thành phố Hà Nội. Đại diện bởi ông Hoàng Đức A – Chức vụ: Giám đốc; Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Trần Quốc H1 và luật sư Nguyễn Ngọc M - Văn phòng luật sư Trần Quốc H1, Đoàn luật sư thành phố H; Địa chỉ: A – Tập thể Bộ C, H, phường Ô, quận Đ, thành phố

Hà Nội.

Luật sư M vắng mặt; luật sư H1 có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

*** Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng;
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Huy H2 – Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện T, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ưông Minh L1 – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện T, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Lê Thị H3, sinh năm 1974; chị Trần Hải Y, sinh năm 1997; anh Trần Hải N, sinh năm 1998 và chị Vũ Thị Hồng N1, sinh năm 1998; đều ĐKHKTT: Thôn D, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng;

Bà H3 có mặt, chị Y, chị N1 và anh N đều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị H3 và anh Trần Hải N: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; ĐKNKTT: Tổ A, khu A, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Số A, phố V, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng; Có mặt.

2. Ngân hàng N3; trụ sở: Số B, đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

*** Người làm chứng:** Ông Phan Văn N2, sinh năm 1958 - nguyên là Phó Chủ tịch UBND xã L; Địa chỉ: xóm B, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 28-12-2023; lời khai và văn bản trình bày ý kiến của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện và ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, người khởi kiện (ông Trần Văn L), người đại diện hợp pháp của người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện thống nhất trình bày: Ông Trần Văn L là chủ sử dụng thửa đất thuộc khu dân cư B, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng có nguồn gốc là đất do Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã L giao và ghi sổ đăng ký ruộng đất năm 1989 cho cụ Trần Văn H4 (bố đẻ ông L), diện tích 60m², đã xây dựng nhà ở hai tầng vào năm 1989. Khi xây dựng được UBND xã L mốc cách tim đường 352 là 9m (đúng với quy định về hành lang giao thông tại thời điểm đó). Năm 1993 cụ H4 đổi đất và nhà cho ông L, đến ngày 24/5/2000 UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số 00024, số seri 087744, diện tích 44,0 m² tại thửa đất số 916, tờ bản đồ số 04, khu B, xã L, huyện T; chủ sử dụng đất: Hộ ông Trần Văn L. Hành lang giao thông, cách tim đường 352 là 16,0m. Ngày 13/3/2023 UBND huyện T có Thông báo số 163/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư

xây dựng cầu L và cải tạo, mở rộng đường tỉnh 352 tại các xã: L, K, C, C, M, K, Thiên H5.

Thực hiện dự án, Trung tâm phát triển quỹ đất đã không kiểm kê đối với diện tích hộ gia đình ông đã được giao là 60m² và tài sản nhà hai tầng kiên cố trên đất xây dựng từ năm 1989 trước khi có quy hoạch dự án nêu trên. Ngày 12/7/2023, tổ công tác do ông Bùi Văn Đ - Chủ tịch UBND xã L đến gia đình lập Biên bản vi phạm hành chính số 10 ghi rõ: Ông Trần Văn L đã có hành vi chiếm dụng 64m² đất của hành lang an toàn đường bộ để xây dựng nhà trái phép. Đồng thời lập Biên bản làm việc số 03 cùng ngày 12/7/2023 ghi rõ: Căn cứ nghị định số 100/2019/NĐ-CP, tổ công tác yêu cầu ông L tháo dỡ toàn bộ công trình nhà ở do hành vi xây dựng công trình nhà ở là hành vi chiếm dụng đất hành lang an toàn đường bộ. Sau khi lập Biên bản vi phạm hành chính, UBND xã L không có quyết định xử phạt hành chính.

Ngày 13/7/2023, ông Đinh Chính Q - Phó Chủ tịch UBND huyện T cùng Bí thư Đảng ủy xã, Chủ tịch xã, công chức Địa chính và một số người khác đến gia đình xem xét cụ thể nhà và đất gia đình đang sử dụng thì thỏa thuận như sau: Phần đất phía sau liền kề với thửa đất của gia đình là đất có nguồn gốc gia đình tự sử dụng trước năm 1993 là đất khai hoang trồng bạch đàn do thiên tai sạt lở, gia đình tự cải tạo thành mặt bằng. Ngày 20/4/2009 UBND xã L có văn bản quyết định đồng ý cho gia đình hạ độ cao, cắt tầng núi để đảm bảo an toàn. Nay không còn nguy cơ sạt lở, không tranh chấp với ai ông Q chỉ đạo UBND xã L hồ sơ cấp lại GCNQSDĐ ghép phần đất đó với phần đất có GCNQSDĐ hiện tại, về phía gia đình thì tự nguyện tháo dỡ công trình nhà ở để bàn giao mặt bằng cho dự án.

Ngày 21/11/2023 UBND xã L có công văn số 3979 với nội dung: Ngôi nhà của ông Trần Văn L xây dựng năm 1989 là hành vi vi phạm pháp luật và không xem xét đình chỉ lại GCNQSDĐ. Ngày 28/11/2023 UBND huyện T mời ông đến hội nghị đối thoại trực tiếp (do ông Đinh Chính Q - Phó Chủ tịch U) kết luận: Việc bồi thường đối với diện tích đất thu hồi của ông L là không có cơ sở giải quyết, yêu cầu gia đình ông L bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án. Ngày 20/12/2023 UBND huyện T ra Quyết định số 10936 với nội dung: Buộc ông L phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do đã có hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 phá dỡ công trình trái phép và khôi phục lại tình trạng ban đầu. Sau 10 ngày nếu không tự phá nhà sẽ bị cưỡng chế.

Căn nhà của gia đình ông đã được xây dựng hợp pháp từ trước khi có các quy định pháp luật về hành lang giao thông. Như vậy Quyết định của UBND huyện cho rằng hành vi của gia đình ông vi phạm hành chính là quan điểm hoàn toàn sai trái, xâm hại tới quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Ngoài ra, đối với phần diện tích đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00024 do UBND huyện T cấp cho hộ ông Trần Văn L thì gia đình đã thế chấp cho Ngân hàng N3 vào năm 2023 với số tiền vay là 500.000.000 đồng.

Vì vậy, ông đề nghị Tòa án tuyên hủy Quyết định số 10936/QĐ-KPHQ ngày 20/12/2023 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND huyện T (sau đây viết tắt là Quyết định 10936) và Quyết định số 1658/QĐ-CCXP ngày 11/3/2024 về việc Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND huyện T (sau đây viết tắt là Quyết định 1658) do trái quy định của pháp luật, không xác định chuẩn xác về việc có hành vi vi phạm tại thời điểm ban hành quyết định và buộc UBND huyện T bồi thường thiệt hại do hành vi cưỡng chế phá dỡ trái pháp luật gây ra. Đề nghị Tòa án đưa UBND xã L, huyện T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại ngày 18/6/2024 người khởi kiện bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 86/QĐ-CCXP ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND huyện T.

Tại văn bản số 1297/UBND-KT&HT ngày 08/5/2024 và văn bản số 2831/UBND-KT&HT ngày 16/9/2024 về việc bổ sung thông tin liên quan việc khởi kiện của ông Trần Văn L, người bị kiện (Chủ tịch UBND huyện T) trình bày ý kiến như sau:

1. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính: Căn cứ khoản 27 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng:

“2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, điểm b, c, điểm đ và điểm e khoản 1 Điều 4 Nghị định này.”

2. Xác định hành vi vi phạm:

2.1. Xác định hành lang giao thông:

Xác định hành lang giao thông: Năm 2009 đường T được nâng cấp cải tạo. Đối chiếu với bản vẽ thiết kế bản vẽ thi công nhà ông L nằm gần vị trí cọc 94 (Km:11+310.2). Theo mặt cắt ngang thiết kế mặt đường hiện trạng tại cọc trên có Bề rộng mặt đường B=6m, lề đường gờ cốt 1,5m và lề đường 1,5m. Từ năm 2000 đến năm 2009 đường T chỉ có duy nhất một lần nâng cấp cải tạo vào năm 2009 bề rộng mặt đường sau cải tạo Bm=9,0m và mở rộng về phía nhà ông L.

Căn cứ Nghị định số 203-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng về việc ban hành “Điều lệ bảo vệ đường bộ”; Nghị định số 172/1999/NĐ-CP ngày 07/12/1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ đường giao thông đối với công trình giao thông đường bộ.

Giới hạn hành lang bảo vệ đường tỉnh 352 được tính từ mép chân mái đường đắp, mép đỉnh mái đường đào hoặc từ mép ngoài rãnh dọc, rãnh đỉnh của đường trở ra hai bên là 10m.

Căn cứ tiêu chuẩn V:1998 đường ô tô - yêu cầu thiết kế. Đường cấp IV có cấp kỹ thuật 60 và 40:

- + Phần xe chạy có tối thiểu 2 làn. Bề rộng tối thiểu làn xe chạy là 3m;
- + Phần lề đường có tối thiểu 2 lề. Bề rộng tối thiểu của lề đường là 1,5m;
- + Phần lề gia cố có tối thiểu 2 lề. Bề rộng tối thiểu của lề gia cố là 1,0m;
- + Phần bề rộng tối thiểu của nền đường tối thiểu $B_{nền} = 9m$;

Căn cứ Công văn số 598/GTĐT ngày 09/8/1995 của Sở G về việc thực hiện Nghị định 36/CP cấm cọc mốc chỉ giới và quản lý cọc trên các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ. Tại công văn nêu trên xác định chỉ giới và cấm mốc lộ giới trên tuyến tỉnh lộ 352 có chiều rộng mặt cắt ngang là 32m (từ tim đường ra mỗi bên là 16m).

Căn cứ Công văn 2367/SGTVT-HTGT&ATGT ngày 14/7/2022 của Sở G xác định giai đoạn từ năm 1999 đến năm 2004 đường tỉnh 352 là đường cấp IV đồng bằng.

Tại thời điểm cấp GCNQSDĐ năm 2000 hiện trạng đường tỉnh 352 có bề rộng mặt đường hiện trạng Đoạn từ Km 9+200 đến Km 9+326,1m mặt đường rộng $B_m=7,5m$, nền đường rộng $B_{nền}=11m$, Đoạn từ Km9+326,1 đến cuối tuyến tại Km14+228,66 có mặt đường $R=4-6m$, nền đường rộng $B_n=11m$.

Như vậy, đường tỉnh 352 năm 2000 được xác định là đường cấp IV đồng bằng, mặt đường rộng $B_m=7,5m$, nền đường rộng $B_{nền}=11m$, một số đoạn cục bộ có mặt đường rộng $B_m=4-6m$, nền đường rộng $B_n=11m$

Đoạn qua nhà ông Trần Văn L có chiều rộng mặt đường $B_m=6m$, lề đường gia cố 1,5m và lề đường 1,5m, giới hạn hành lang bảo vệ đường tỉnh 352 tính từ mép ngoài lề đường là 10m. Như vậy, chỉ giới hành lang an toàn đường bộ tỉnh lộ 352 tại thời điểm cấp GCNQSDĐ năm 2000 tính từ tim đường là 16m.

2.2. Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Ông L đang sử dụng thửa đất thuộc khu dân cư B, xã L có nguồn gốc đất là do UBND xã L giao đất năm 1989 cho ông H4 (bố đẻ ông L), diện tích 60,0m². Sổ đăng ký ruộng đất năm 1989 ghi tên ông H4.

Ngày 12/5/2000 ông L có Đơn đề nghị đăng ký quyền sử dụng đất, gửi UBND xã L. Theo đó, ông L đề nghị đăng ký quyền sử dụng đất với các thông tin sau: Diện tích thửa đất 44,0m² (KT: 7,6m x 7,1m x 5,7m x 6,48m), phía Bắc giáp chân núi B, phía Đông giáp hộ ông Trần Văn H6, phía Tây giáp ông Cao Văn L2, phía Nam giáp đường C, cách tim đường 16,0m.

Ngày 24/5/2000 UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số vào sổ 00024, số seri 087744, diện tích 44,0m² tại thửa đất số 916, tờ bản đồ số 04 khu B xã L; chủ sử dụng đất: Hộ ông Trần Văn L. Hành lang giao thông, cách tim đường 352 là 16,0m.

- Theo Mảnh trích đo địa chính 1/500 do Trung tâm K lập, được Sở T phê duyệt ngày 06/3/2023, hộ ông Trần Văn L đang sử dụng đất thửa số 05, tờ bản đồ số 10, tổng diện tích đất 323,3m². Trong đó: Diện tích đất nằm trong chỉ giới thu hồi: 33,2m² và diện tích nằm ngoài chỉ giới thu hồi: 290,0m² hiện nay đang được ông Trần Văn L sử dụng.

2.3. Xác định vi phạm: Ông Trần Văn L đã có hành vi chiếm dụng đất của đường bộ hoặc đất hành lang an toàn đường bộ để xây dựng nhà ở, cụ thể như sau: Ông Trần Văn L xây dựng công trình nhà ở với quy mô hai tầng, trong đó diện tích 51m² nằm trong phần đất hành lang an toàn đường bộ tỉnh lộ 352.

3. Trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính:

Ngày 12/7/2023 UBND xã L đã làm việc với Trần Văn L về việc sử dụng đất và xây dựng công trình tại thửa đất số 916, tờ bản đồ số 04, khu dân cư B, thôn H, xã L, huyện T. Sau khi tiến hành làm việc xác định công trình do ông Trần Văn L có hành vi chiếm dụng đất hành lang an toàn đường bộ để xây dựng nhà ở. Ngay sau khi phát hiện hành vi vi phạm Chủ tịch UBND xã L đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính số 10/BB-VPHC ngày 12/7/2023 và thực hiện tổng đạt biên bản vi phạm hành chính cùng ngày 12/7/2023 cho ông Trần Văn L.

Ngày 13/7/2023 ông Trần Văn L có nguyện vọng tự tháo dỡ công trình vi phạm và trả lại nguyên trạng diện tích đất do vi phạm hành chính gây ra đến trước ngày 30/7/2023. Ngày 13/7/2023 UBND xã L có Báo cáo số 101/BC-UBND về việc đề xuất xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

Quá trình xử lý vi phạm do thay đổi cách xác định hàng lang an toàn đường bộ tỉnh lộ 352. Căn cứ hồ sơ thiết kế cải tạo dự án đầu tư mở rộng đường tỉnh 352, huyện T (Đ từ Km9+200 đến Km14+228,66) xác định bề rộng mặt đường của đường tỉnh 352 đoạn đi qua nhà ông L tại thời điểm cấp GCNQSDĐ năm 2000 có bề rộng mặt đường B=6m. Tuy nhiên tại biên bản vi phạm hành chính số 10/BB-VPHC ngày 12/7/2023 của Chủ tịch UBND xã L xác định đường tỉnh 352 đoạn đi qua nhà ông L có bề rộng mặt đường B=9m. Ngày 21/7/2023 Chủ tịch UBND xã L tiến hành lập biên bản số 03/BB-XM xác minh chi tiết việc xử phạt vi phạm hành chính và thực hiện tổng đạt biên bản cho ông L ngày 21/7/2023. Ngày 28/11/2023 UBND huyện T tổ chức đối thoại vận động ông L tháo dỡ công trình và trả lại nguyên trạng diện tích đất do vi phạm hành chính gây ra nhưng ông L không hợp tác.

Ngày 20/12/2023 Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 10936. Ngày 21/12/2023 UBND xã L đã thực hiện tổng đạt Quyết định 10936 cho ông Trần Văn L.

Ngày 11/3/2024 Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 1658 và ngày 12/3/2024 UBND xã L đã thực hiện tổng đạt Quyết định 1658 cho ông Trần Văn L.

Ngày 22/3/2024 UBND huyện T ban hành thông báo số 160/TB-UBND ngày 22/3/2024 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với

ông L. Ngày 23/3/2024 UBND xã L đã gửi thông báo cho ông L và thực hiện việc công khai niêm yết tại nơi ở của ông L tại thôn H, xã L, huyện T và trụ sở UBND xã L.

Như vậy, việc Chủ tịch UBND huyện T ban hành 10936 và Quyết định số 1658 là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Do đó, các nội dung khởi kiện của ông Trần Văn L đề nghị huỷ Quyết định số 10936 và Quyết định số 1658 của Chủ tịch UBND huyện T là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm bà Lê Thị H3, chị Trần Hải Y, anh Trần Hải N, chị Vũ Thị Hồng N1: Đều có văn bản nêu ý kiến thống nhất trình bày quan điểm ý kiến như người khởi kiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Ngân hàng N3 trình bày: Đề nghị UBND huyện T trong trường hợp trả tiền bồi thường liên quan đến việc cưỡng chế công trình nhà ông L thì trả cho phía Ngân hàng trước khi trả cho người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 126/2024/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 157, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ các điều 28, 65, 70, 85, 86 và 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi bổ sung năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L về việc yêu cầu Tòa án:

+ Huỷ Quyết định số 10936/QĐ-KPHQ ngày 20/12/2023 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 1658/QĐ-CCXP ngày 11/3/2024 về việc Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

+ Buộc Ủy ban nhân dân huyện T bồi thường thiệt hại do hành vi cưỡng chế phá dỡ trái pháp luật gây ra.

Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/9/2024, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận được đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Văn L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Lê Thị H3, chị Trần Hải Y, anh Trần Hải N, chị Vũ Thị Hồng N1 với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Người khởi kiện: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên kháng cáo và lời trình bày tại giai đoạn sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày:

- Về tố tụng có sai sót là: người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện không xuất trình các tài liệu chứng minh đủ điều kiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 61 Luật tố tụng hành chính, nhưng Tòa án chấp nhận cho họ tham gia với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, là không đúng. Văn bản số 1750 đã xác định sai chủ thể khi đối tượng bị kiện trong vụ án này được TAND thành phố Hải Phòng xác định là Chủ tịch UBND huyện T chứ không phải UBND huyện T. Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 5007/QĐ-UBND ngày 14/06/2024 và Văn bản số 1750/UBND-VP của UBND huyện T đều không có giá trị pháp lý nên tất cả các văn bản, ý kiến của người bị kiện trong quá trình tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm đều không có giá trị. Công văn số: 1297/UBND-KT&HT ngày 08/5/2024 do ông Đinh Chính Q, Phó Chủ tịch ký thay mặt UBND huyện T về ý kiến đối với việc khởi kiện của ông L cũng không có giá trị. UBND xã L nắm được thông tin về nguồn gốc cũng như thực trạng thửa đất đã giao cho gia đình ông L từ năm 1989 đến nay. Việc Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng không đưa UBND xã L tham gia tố tụng là bỏ sót người tham gia tố tụng, dẫn đến việc đánh giá chứng cứ không khách quan, toàn diện và đầy đủ.

- Về nội dung: Thời điểm giao đất, đường T (nay là đường C) có chiều rộng 5m, nhưng tim đường được tính là 9m nên chính quyền xã L thời kỳ đó đã xuống trực tiếp cắm mốc, xác định ranh giới, mốc giới thửa đất cho gia đình ông H4 sau khi đã trừ đi tim đường. Sau khi được cắm mốc, thì gia đình ông H4 đã xây dựng nhà ở kiên cố 2 tầng và được ghi nhận trong sổ đăng ký ruộng đất năm 1989. Năm 1994, ông H4 sang nhượng toàn bộ diện tích nhà đất trên cho ông L. Gia đình ông L quản lý sử dụng từ thời điểm nhận chuyển nhượng cho đến khi bị phá dỡ không hề xây dựng, coi nới và cải tạo lại căn nhà nên không có căn cứ cho rằng ông L lấn chiếm đất ra hành lang phía trước nhà giáp đường T200. Ngày 24/5/2000, ông L được cấp GCNQSD đất với thửa đất số 916 nêu trên. Theo UBND huyện T, do đường mở rộng thêm 16m nên 51m² trong 60m² đất đã giao năm 1989 nằm trong chỉ giới mở rộng đường 16m, vì vậy diện tích đất còn lại sát chân núi không đủ 60m² như đã giao năm 1989 nên UBND huyện sẽ chứng nhận cho gia đình ông L 44m² (41,8m²) đất bao gồm 9m² nằm trong tổng số 60m² đất đã giao và 35m² (32,8m²) đất gia đình ông L đã khai phá thêm phía sau lúc bấy giờ. Vì cho rằng UBND huyện công nhận phần đất khai phá thêm nên khi gia đình ông L nhận Giấy chứng nhận QSD đất về mà không có bất kỳ ý kiến gì. Diện tích vi phạm ngay Ủy ban xác định còn chưa thống nhất, việc xác minh của Tòa án sơ thẩm chưa đầy đủ. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy án.

Do Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét thẩm định tại chỗ nên không nắm được thực trạng, hiện trạng bề nước ngầm móng nhà vẫn có khắc dòng chữ khi xây dựng từ năm 1989. Nhà được xây ngay từ khi cấp đất nên không thể có việc lấn ra hành lang đường. Thời điểm cấp đất núi sát ra đường, đất chưa có tọa độ

trong bản đồ, gia đình ông L cùng với các gia đình khác phải tự khai thác vào núi để có đất ở. Thời điểm cấp đất chưa có tọa độ trong bản đồ.

Thời điểm được cấp đất đã phải nộp tiền, có biên lai thu tiền 5.000 đ đã nộp vào hồ sơ để cấp giấy chứng nhận. Do đó, khi thu hồi đất phải bồi thường.

Khi UBND cấp giấy chứng nhận cho gia đình, tuy chưa có quyết định thu hồi nhưng lại tự cấp giấy lùi lại, ghi chưa hành lang giao thông. Ủy ban cho rằng lấn chiếm 51 m, nhưng cường chế 11 m. Khi cường chế không được nhận quyết định thu hồi đất không được đền bù.

Công văn số 2367/SGTVT-HTGT&ATGT (BL 131, 132) ngày 14/7/2022 của Sở Giao thông vận tải thành phố G có nội dung: “Đường tỉnh 352 được Sở GTVT tiếp nhận khoảng trước năm 1980 và không có hồ sơ thiết kế, hồ sơ hoàn công” Do chưa hình thành tuyến đường cấp tỉnh nên **“Chưa được cấm mốc lộ giới, chỉ giới hành lang an toàn đường bộ. Đến nay, chưa được đầu tư cải tạo, mở rộng nền đường.** Hàng năm chỉ duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa trong phạm vi nền đường và mặt đường hiện có. Cụ thể: Thời điểm từ 1982 đến 1999; Từ 1999 đến 2004; Năm 2006; Năm 2010; Từ 2014 đến nay nhưng đường 352 vẫn chưa cải tạo, mở rộng trong các giai đoạn theo quy định”. Đến ngày 9/9/1995 Sở G ban hành công văn số 598/GTĐT mới có thông báo về việc chỉ giới và cấm mốc lộ giới trên tuyến quốc lộ, tỉnh lộ và huyện lộ. Trong đó có đường tỉnh 352.

Ngày 04/3/2025, Luật sư có buổi làm việc với Công ty CP T1, thì được cung cấp thông tin: “Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công Dự án mở rộng tỉnh lộ 352 huyện T tháng 4 năm 2009” do phòng Kinh tế hạ tầng UBND huyện T cung cấp cho Tòa là do Công ty thiết kế đo vẽ. Tuy nhiên đây chỉ là hồ sơ đặt hàng thiết kế đo vẽ cho Dự án, Công ty không phải là Chủ đầu tư Dự án nên không thể biết phòng Kinh tế hạ tầng UBND huyện T đã triển khai thực hiện Dự án hay chưa. Nếu đã thực hiện Dự án thì sẽ có Hồ sơ hoàn công, Biên bản nghiệm thu công trình, Biên bản bàn giao công trình đưa vào sử dụng, bản vẽ hoàn công... Nếu chưa thực hiện thì hồ sơ không có giá trị pháp lý để áp dụng các chỉ số kỹ thuật đã nâng cấp cải tạo mở rộng đường cho hiện nay.

Sở Xây dựng cho biết thời điểm tiếp nhận đường 352 tức đường T200 cũ nguyên trạng, không rõ đường cấp quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ, hay đường xã bởi không có hồ sơ thiết kế, hồ sơ hoàn công. Tuyến đường chưa được cấm mốc lộ giới, chỉ giới hành lang an toàn đường bộ nên không rõ đường cấp nào. Đường chưa được đầu tư cải tạo, mở rộng nền đường. Sở GTVT đã tìm tại kho lưu trữ, tuy nhiên không tìm thấy hồ sơ, tài liệu nào liên quan đến nguồn gốc của đường C.

Thời điểm Sở GTVT được bàn giao thì đường chưa được cấm mốc lộ giới, chỉ giới hành lang an toàn đường bộ nên không thể biết thời điểm hộ ông H4 - bố anh L được giao đất đường T là đường cấp gì. Vì thế, quan điểm của Sở GTVT là phù hợp với thực trạng của đường 352 trước đây là đường T200 không hề mở rộng. Dự án cải tạo mở rộng đường tỉnh năm 2009 chưa được thực hiện nhưng

HĐXX sơ thẩm căn cứ vào hồ sơ này để áp dụng các chỉ số kỹ thuật đã nâng cấp cải tạo mở rộng đường cho hiện nay là không có cơ sở.

Từ các căn cứ nêu trên có thể thấy, từ năm 1989 đến nay, căn nhà của ông L và đường C không được xây dựng, cải tạo hay mở rộng mà vẫn giữ nguyên hiện trạng nên UBND xã và UBND huyện không xem xét thực tế đã lập Biên bản vi phạm hành chính đối với gia đình ông L và ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, QĐ cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là không đúng quy định pháp luật. Theo thông báo số 163/TB-UBND ngày 13/3/2023 của UBND huyện T v/v thu hồi đất thì ông L bị thu hồi 33,2m² đất để thực hiện Dự án. Tuy nhiên, UBND huyện T không tiến hành điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, kiểm kê vật kiến trúc, tài sản trên đất của gia đình ông L trên thực tế. Vì vậy, ông L đã gửi đơn kiến nghị đến UBND huyện T và UBND xã L đề nghị xem xét giải quyết. Trong khi UBND huyện T và UBND xã L đang tiến hành xác minh thì ngày 12/7/2023, UBND xã L lại lập Biên bản vi phạm hành chính số: 10/BB-VPHC về lĩnh vực giao thông đường bộ đối với gia đình ông L.

Do vậy, đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 241 Bộ luật TTHC, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, hủy toàn bộ Bản án số 126/2024/HC-ST ngày 16/9/2024 của TAND thành phố Hải Phòng, chuyển hồ sơ vụ án cho TAND TP Hải Phòng xét xử sơ thẩm lại theo quy định pháp luật.

Ông Phan Văn N2 – Nguyên Phó Chủ tịch kiêm trưởng Công an xã L tham gia phiên tòa với tư cách người làm chứng xác nhận những ý kiến trình bày của phía người khởi kiện là đúng. Đường T200 thời điểm cấp đất chiều rộng chỉ 5m, nhưng tim đường được tính là 9m. UBND xã L đã cử địa chính xuống cắm mốc giao đất cho ông H4 - bố ông L, ngay sau khi được giao đất gia đình đã xây nhà bê tông kiên cố như hiện nay. Khi xây do gia đình ông H4 không vi phạm gì nên không bị lập biên bản, không bị xử phạt.

Người bị kiện: có đơn xin xét xử vắng mặt, không xuất trình tài liệu chứng cứ mới.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Vắng mặt, không xuất trình tài liệu chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo trong hạn luật định, đủ điều kiện nên được xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

- Về nội dung: xét kháng cáo của những người kháng cáo, căn cứ vào các ý kiến trình bày của các đương sự và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có cơ sở để xem xét, do đó Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là chưa đúng. Tuy nhiên, cũng cần thu thập thêm một số tài liệu chứng cứ, đồng thời tạo điều kiện cho các bên đương sự có thêm cơ hội đối thoại. Đề

ngợi Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 241 LTTHC, chấp nhận kháng cáo, huỷ Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Trần Văn L, bà Lê Thị H3, chị Trần Hải Y, anh Trần Hải N, chị Vũ Thị Hồng N1 đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: ông L khởi kiện Quyết định số 10936/QĐ-KPHQ ngày 20/12/2023; Quyết định số 1658/QĐ-CCXP ngày 11/3/2024; Quyết định số 86/QĐ-CCXP ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND huyện T và yêu cầu UBND huyện T phải bồi thường thiệt hại do hành vi cưỡng chế phá dỡ trái pháp luật gây ra; do đó Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử theo thủ tục sơ thẩm là phù hợp quy định tại Điều 7; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính và Luật xử lý vi phạm hành chính.

[3] Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người bị kiện có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, các người liên quan khác được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm với kháng cáo của chị Trần Hải Y, và chị Vũ Thị Hồng N1.

[4] Về yêu cầu của người khởi kiện đề nghị Tòa án bổ sung UBND xã L, huyện T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng, các Quyết định hành chính bị kiện do Chủ tịch UBND huyện T ban hành, do đó không làm phát sinh quyền nghĩa vụ của UBND xã L, huyện T. Vì vậy Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về việc bổ sung UBND xã L, huyện T tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chưa chính xác. Trong vụ việc này, ban đầu là UBND xã L cấp đất cho gia đình ông L. Trong quá trình lập biên bản vi phạm, tham gia cưỡng chế với gia đình ông L UBND xã L đều tham gia. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa UBND xã L tham gia sẽ thiếu đi những thông tin cần thiết để giải quyết vụ án.

- Về nội dung: người kháng cáo đề nghị xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu khởi kiện và quyết định của Tòa án sơ thẩm.

[5] Xét thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành các quyết định bị khởi kiện số 10936 và Quyết định số 1658; Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ theo quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012sửa đổi, bổ sung bởi khoản 29 Điều 1 Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi 2020

“1. Khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính, trừ trường hợp xử phạt không lập biên bản quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật này”. Tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP định về thời hạn lập biên bản vi phạm hành chính như sau: “a) Biên bản vi phạm hành chính được lập trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi phát hiện vi phạm hành chính; b) Trường hợp vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp hoặc có phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, thì biên bản vi phạm hành chính được lập trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi phát hiện vi phạm hành chính;”. Tuy nhiên, nhà do nhà ông L xây từ những năm 1989, không có biên bản xử phạt nào của chính quyền địa phương. Nhưng đến ngày 12/7/2023, UBND xã L lại lập Biên bản vi phạm hành chính số: 10/BB-VPHC về lĩnh vực giao thông đường bộ đối với gia đình ông L. Trên cơ sở biên bản vi phạm hành chính này mới lập các Quyết định số 597/QĐ-GQXP về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định số 10936/QĐ-KPHQ Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định 86/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Việc Phó chủ tịch UBND huyện ký quyết định hành chính mà chưa có Quyết định ủy quyền thường xuyên hoặc theo vụ việc như quy định tại Điều 10 Nghị định 118/2021/NĐ-CP, Sửa đổi bổ sung bởi khoản 28 Điều 1 Luật xử lý vi phạm hành chính sửa đổi 2020; là cũng chưa đúng. Như vậy, việc ban hành các quyết định xử lý này trên cơ sở biên bản lập muộn nhiều năm, thiếu quyết định ủy quyền là chưa đúng quy định pháp luật.

[6] Về nguồn gốc đất, thời điểm xây nhà và việc xác định hành vi xâm phạm hành lang an toàn giao thông của ông Trần Văn L:

Năm 1989, ông Trần Văn H4 - bố đẻ ông Trần Văn L được UBND xã L giao một lô đất có diện tích 60 m² tại thửa số 916, tờ bản đồ số 04 khu B, xã L, huyện T, Thành phố Hải Phòng. Thời điểm giao đất, đường T (nay là đường C) có chiều rộng 5m, nhưng tim đường được tính là 9m nên chính quyền xã L thời kỳ đó đã xuống trực tiếp cắm mốc, xác định ranh giới, mốc giới thửa đất cho gia đình ông H4 sau khi đã trừ đi tim đường. Sau khi được cắm mốc, thì gia đình ông H4 đã xây dựng nhà ở kiên cố 2 tầng và được ghi nhận trong sổ đăng ký ruộng đất năm 1989. Năm 1994, ông H4 sang nhượng toàn bộ diện tích nhà đất trên cho ông L. Ngày 24/5/2000, ông L được cấp GCNQSD đất với thửa đất số 916 nêu trên. Gia đình ông L quản lý sử dụng từ thời điểm nhận chuyển nhượng cho đến khi bị phá dỡ không hề xây dựng, coi nói và cải tạo lại căn nhà nên không có căn cứ cho rằng ông L lấn chiếm đất ra hành lang phía trước nhà giáp đường T200. Vì xác định gia đình ông L có hành vi lấn chiếm đất hành lang an toàn giao thông là chưa chính xác UBND huyện T cũng không thống nhất khi xác định diện tích đất gia đình ông L vi phạm. Biên bản vi phạm hành chính số 10 ngày 12/7/2023 xác định diện tích nhà ông L lấn vào hành lang an toàn giao thông đường bộ là 64 m². Biên bản xác minh số 03 ngày 21/7/2023 xác định diện tích nằm trong phần đất hành

lang an toàn đường bộ là 51 m². Công văn số 3979 ngày 21/11/2023 của UBND huyện T xác định diện tích nằm trong chỉ giới thu hồi đất 33,2 m². Trong các quyết định cưỡng chế buộc thực hiện hậu quả số 86 ngày 5/1/2024 và số 1658 ngày 11/3/2024 lại không thể hiện diện tích bị cưỡng chế là bao nhiêu. Nhưng khi thực hiện cưỡng chế phá dỡ phần vi phạm thì lại chỉ phá dỡ 11,23 m².

Công văn số 2367/SGTVT-HTGT&ATGT (BL 131, 132) ngày 14/7/2022 của Sở Giao thông vận tải thành phố G có nội dung: “Đường tỉnh 352 được Sở GTVT tiếp nhận khoảng trước năm 1980 và không có hồ sơ thiết kế, hồ sơ hoàn công”. Do chưa hình thành tuyến đường cấp tỉnh nên: “Chưa được cắm mốc lộ giới, chỉ giới hành lang an toàn đường bộ. Đến nay, chưa được đầu tư cải tạo, mở rộng nền đường. Hàng năm chỉ duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa trong phạm vi nền đường và mặt đường hiện có. Cụ thể: Thời điểm từ 1982 đến 1999; Từ 1999 đến 2004; Năm 2006; Năm 2010; Từ 2014 đến nay nhưng đường 352 vẫn chưa cải tạo, mở rộng trong các giai đoạn theo quy định”. Đến ngày 9/9/1995 Sở G ban hành công văn số 598/GTĐT mới có thông báo về việc chỉ giới và cắm mốc lộ giới trên tuyến quốc lộ, tỉnh lộ và huyện lộ, trong đó có đường tỉnh 352.

Trong hồ sơ vụ án có Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công Dự án mở rộng tỉnh lộ 352 huyện T tháng 4 năm 2009 do phòng Kinh tế hạ tầng UBND huyện T cung cấp cho Tòa. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập Hồ sơ hoàn công, Biên bản nghiệm thu công trình, Biên bản bàn giao công trình đưa vào sử dụng, bản vẽ hoàn công... Vì nếu không có các hồ sơ này thì Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công Dự án mở rộng tỉnh lộ 352 huyện T tháng 4 năm 2009, không có giá trị pháp lý để áp dụng các chỉ số kỹ thuật đã nâng cấp cải tạo mở rộng đường cho hiện nay.

Hơn nữa khi xây dựng nhà, ông L có khắc chữ 6-10 năm Kỷ Ty (tức năm 1989) lên bề ngang. Ông L trình bày nhà đã được xây dựng từ năm 1989, do được cấp đất hợp pháp nên xây không bị lập biên bản, không bị xử phạt. Ông L đã đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm xem xét thẩm định, nhưng không được chấp nhận. Việc xem xét thẩm định là cần thiết, cùng với việc thu thập các tài liệu chứng cứ khác để đánh giá về thời gian xây dựng nhà của ông L. Nếu như ông L xây dựng vào hành lang an toàn giao thông sau khi có chỉ giới mốc giới và xây dựng trên phần đất không được giao thì mới có căn cứ xác định được đó là hành vi lấn chiếm. Trường hợp ông L xây nhà từ năm 1989 có vi phạm hành lang an toàn giao thông, thì tại sao không bị lập biên bản, không bị xử lý vi phạm ngay từ thời điểm đó. Nếu do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp đất chưa đúng, người dân đã thực hiện nghĩa vụ tài chính mà sau đó cần phải thu hồi đất thì cũng cần được bồi thường. Ông L trình bày có nộp 5.000đ tiền sử dụng đất và đã nộp vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Công văn 598 ngày 9/9/1995 của Sở giao thông công chính thành phố G cũng nêu: “*Các công trình lấn chiếm vi phạm hành lang giao thông xây dựng sau năm 1982 nằm trong phạm vi chỉ giới giải tỏa giai đoạn I.2, II.2 và III.2 phải tháo dỡ, di chuyển. Trong quá trình tiến hành giải tỏa cần tuân thủ các quy định khác về xây dựng của Nhà nước (Kiểm kê, lập biên bản, lập phương án*

đền bù với công trình có giấy phép xây dựng hoặc đất thổ cư). Thậm chí khi Nhà nước xây dựng công trình công cộng, quốc phòng, an ninh có hành lang bảo vệ an toàn mà không thu hồi đất nằm trong phạm vi hành lang an toàn thì người sử dụng đất vẫn được bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất theo Điều 94 Luật đất đai. Cụ thể hóa Điều 94 Luật đất đai, Điều 10 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP quy định:

“Bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất đối với đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ quy định tại Điều 94 của Luật Đất đai được thực hiện như sau:

1. Trường hợp làm thay đổi mục đích sử dụng đất:

a) Làm thay đổi mục đích sử dụng đất từ đất ở sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở hoặc từ đất ở sang đất nông nghiệp thì mức bồi thường thiệt hại được xác định như sau:

$$Tbt = (G1 - G2) \times S$$

Trong đó:

Tbt: Tiền bồi thường thiệt hại;

G1: Giá đất ở tính bình quân mỗi m²;

G2: Giá đất phi nông nghiệp không phải đất ở hoặc giá đất nông nghiệp tính bình quân cho mỗi m²;

S: Diện tích đất bị thay đổi mục đích sử dụng đất;

b) Làm thay đổi mục đích sử dụng đất từ đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất nông nghiệp thì mức bồi thường thiệt hại được xác định như sau:

$$Tbt = (G3 - G4) \times S$$

Trong đó:

Tbt: Tiền bồi thường thiệt hại;

G3: Giá đất phi nông nghiệp không phải đất ở tính bình quân mỗi m²;

G4: Giá đất nông nghiệp tính bình quân cho mỗi m²;

S: Diện tích đất bị thay đổi mục đích sử dụng đất.

2. Trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất thì việc xác định mức bồi thường thiệt hại do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế tại địa phương quy định cụ thể.

3. Nhà ở, công trình xây dựng khác và các tài sản khác gắn liền với đất nằm trong phạm vi hành lang an toàn bị thiệt hại do phải giải tỏa thì được bồi thường theo mức thiệt hại theo quy định.

4. Khi hành lang bảo vệ an toàn công trình chiếm dụng khoảng không trên 70% diện tích thửa đất có nhà ở, công trình xây dựng thì phần diện tích đất còn lại cũng được bồi thường theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.”.

[7] Từ các căn cứ nêu trên có thể thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chưa đưa đầy đủ người tham gia tố tụng, chưa thu thập đầy đủ chứng cứ. Phần nhà ông L bị phá dỡ, mà UBND huyện T cho rằng xâm phạm hành lang an toàn giao thông tồn tại từ thời điểm nào. Cần phải xem xét thẩm định tại chỗ để xác định thời điểm xây

dựng nhà của ông L có phù hợp với lời trình bày của ông L và người làm chứng là từ năm 1989 không. So sánh chiều rộng mặt đường và tim đường trước nhà ông L ở thời điểm hiện tại, với số liệu về mặt đường và tim đường thời điểm 1989. Hồ sơ hoàn công để xác định đường tỉnh 352 được xác định là mở rộng năm 2009 có chiều rộng mặt cắt ngang là 32m (từ tim đường ra là 16 m). Những tài liệu chứng cứ chứng minh gia đình ông L sau khi được giao đất đã không xây dựng theo đúng chỉ giới được giao mà đã xây lấn vào hành lang an toàn giao thông. Trong trường hợp không thu thập được các tài liệu chứng cứ chứng minh ông L xây ra ngoài diện tích đất được giao, đã bị xử phạt khi xây; hoặc quy hoạch mở rộng đường ra 32 m, được phê duyệt sau khi ông L đã xây nhà thì khi thu hồi đất cần xem xét bồi thường cho gia đình ông L. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của người kháng cáo và đề nghị của Luật sư, Vị đại diện Viện kiểm sát, hủy bản án sơ thẩm giao về cho Tòa án nhân dân Thành phố Hải Phòng giải quyết theo thủ tục sơ thẩm để thu thập thêm tài liệu chứng cứ, tạo điều kiện cho các bên đối thoại, đảm bảo quyền lợi chính đáng cho gia đình ông L.

[8] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông L, bà H3, anh N, không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Chị Y, chị N1 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 229, khoản 3 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Đình chỉ với yêu cầu kháng cáo của chị Trần Hải Y, chị Vũ Thị Hồng N1.
2. Chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn L, bà Lê Thị H3, anh Trần Hải N. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 126/2024/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.
3. Về án phí phúc thẩm: Chị Trần Hải Y, chị Vũ Thị Hồng N1 mỗi người phải nộp 300.000 đ án phí hành chính phúc thẩm, ghi nhận chị Y và chị N1 đã nộp tại các Biên lai số 0000755 ngày 15/10/2024 và Biên lai số 0000754 ngày 15/10/2024 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Trả lại ông Trần Văn L, bà Lê Thị H3, anh Trần Hải N, mỗi người 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm, theo các Biên lai số 0000751 ngày 15/10/2024, Biên lai số 0000753 ngày 15/10/2024 và Biên lai số 0000752 ngày 15/10/2024 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tiến